

Châu Thành, ngày 28 tháng 11 năm 2022.

Số: 295/2022/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 518/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1/ Chị Hà Ngọc D, sinh năm 1997;

Địa chỉ: 575, ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1997;

Địa chỉ: B, khu phố A, thị trấn M, huyện N, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Hà Ngọc D và anh Nguyễn Hoàng T trình bày:

Vợ chồng chị D và anh T kết hôn vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện N, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/01/2020. Sau khi cưới anh chị sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường hay cự cãi, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Anh chị nhận thấy khả năng không thể tháo gỡ mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng của vợ chồng chị D, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị D, anh T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị D, anh T có 01 con chung tên Nguyễn Hà Kỳ D1, sinh ngày 21/11/2019; khi ly hôn, chị D, anh T thỏa thuận anh T tiếp tục nuôi con

chung, Chị D cấp dưỡng nuôi con cho anh T mỗi tháng 3.000.000 đồng từ khi có quyết định ly hôn của Tòa án.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh T khai không có.

Chị D, anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Hà Ngọc D và anh Nguyễn Hoàng T thuận tình ly hôn. Ghi nhận chị D, anh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Anh T được quyền nuôi 01 con chung tên Nguyễn Hà Kỳ D1, sinh ngày 21/11/2019 ; Chị D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.0000 đồng (ba triệu đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh T khai không có

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Chị D tự nguyện nộp toàn bộ số tiền lệ phí là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0010605 ngày 18/11/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị D đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND thị trấn M (13/01/2020);
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Tuyết